

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/DS-PT

Ngày: 26 – 8 – 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

*Các Thẩm phán:*

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Trương Thanh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Đồng nguyên đơn:** Bà Phan Ngọc S, sinh năm 1936

Ông Lâm Văn M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp VM, xã VH, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M:* Bà Đinh Thị Gấm E, sinh năm 1980; địa chỉ: Trung tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh BL (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phan Ngọc S:* Bà Trịnh Hồng Nh là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh BL (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M:* Ông Lê Hải L là Luật sư của Văn phòng luật sư HL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BL (Có mặt).

**- Đồng bị đơn:** Ông Phan Ngọc Th, sinh năm 1955 (chết ngày 03/9/2021) và bà Đào Thị L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị L:* Anh Phan Ngọc Kh, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL (Có mặt).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th:*

1. Chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 52/31 đường TNH, phường HT, Quận TP, thành phố HCM. Chỗ ở hiện nay: 149/B15 LTT, phường HT, Quận TP, Thành phố HCM.

2. Anh Phan Ngọc Kh, sinh năm 1999 (Có mặt)

3. Chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

4. Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

5. Bà Đào Thị L, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phan Ngọc A, sinh năm 1939 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp GG, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

2. Bà Phan Thị Đ (tên gọi khác Phan Ngọc Đ, sinh năm 1942 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 10, Phường 1, thành phố BL, tỉnh BL.

3. Ông Phan Ngọc B, sinh năm 1946 (Vắng mặt)

4. Bà Lê Thị A (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp GG, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

5. Bà Phan Minh Ng, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

**- Người kháng cáo:** Bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M là đồng nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Lâm Văn M, đồng thời ông M là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Phan Ngọc S trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 11 hệ thống bản đồ năm 2016 tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL của ông Phan Kim S và bà

Lâm Thị N khai phá. Quá trình chung sống ông S và bà N có 06 người con chung là ông Phan Ngọc B, sinh năm 1946; ông Phan Ngọc Th, sinh năm 1955; bà Phan Ngọc S, sinh năm 1936; bà Phan Ngọc A, sinh năm 1939; bà Phan Ngọc Đ, sinh năm 1942; bà Phan Minh Ng, sinh năm 1957. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 03/9/2021, ông Phan Ngọc Th chết, khi còn sống ông Th có 02 người con riêng với người vợ trước bà Tống Thị H (đã ly hôn) là anh Phan Ngọc T, sinh năm 1978 và chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1979; trước đây anh T, chị Th có cùng hộ khẩu với bà L, ông Th nhưng hiện nay không rõ địa chỉ ở đâu; sau đó, ông Th kết hôn với bà L có 02 người con chung là chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1994 và anh Phan Ngọc Kh, sinh năm 1999.

Sau khi ông Phan Kim S và bà Lâm Thị N chết, đến năm 2010, gia đình đã họp 06 anh chị em thỏa thuận phân chia đất, bà Phan Ngọc S (mẹ ông Lâm Văn M) được chia quyền sử dụng đất diện tích khoảng 02 công tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL. Năm 2011, bà Phan Ngọc S làm giấy ủy quyền đề ngày 01/4/2011 cho ông Lâm Văn M được quyền quản lý, sử dụng đất đối với quyền sử dụng 02 công đất được chia. Thời điểm năm 2010, do ông Lâm Văn M đi làm ăn nơi khác không sử dụng đất, bà Phan Ngọc S đã lớn tuổi nên ông Phan Ngọc Th và bà Đào Thị L lấn chiếm, sử dụng đất. Đến năm 2016, 2017 xảy ra tranh chấp, đất để trống không ai canh tác được. Bà Đào Thị L và ông Phan Ngọc Th xác định bà S đã chuyển nhượng đất cho ông Th, bà L vào ngày 17/7/2010 thì ông M và bà S không đồng ý và xác định dấu vân tay tại “*giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 17/7/2010 không phải dấu vân tay của bà Phan Ngọc S in ra.

Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2020 bà S, ông M khởi kiện yêu cầu diện tích 2.000m<sup>2</sup>, tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/10/2020 bà S và ông M xác định lại diện tích đất tranh chấp có diện tích 1296,0m<sup>2</sup> và trong quá trình giải quyết vụ án ông M, bà S xác định chỉ yêu cầu tranh chấp đối với diện tích đo đạc thực tế là 1296,0m<sup>2</sup>. Đồng thời, bà S và ông M xác định diện tích đất tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2020 là cùng thửa, cùng vị trí đất với đất tranh chấp và thống nhất với kết quả đo đạc của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu tại mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/02/2021, thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2020 nên ông M, bà S rút lại yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất chênh lệch so với đơn khởi kiện là 5,4m<sup>2</sup> (1.296m<sup>2</sup> – 1.290,6m<sup>2</sup> = 5,4m<sup>2</sup>).

Quá trình Tòa án thụ lý vụ án ông Lâm Văn M đào 01 nền mộ, đã đổ phần đà bằng bê tông cốt thép, sau khi Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố BL lập biên bản ghi nhận hiện trạng ngày 13/7/2021 ông M đã ngừng xây dựng và ông M, bà S không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ lại, không đặt ra yêu cầu bồi thường giá trị đối với phần nền mộ đã xây dựng và không có yêu cầu gì đối với tài sản trên đất.

Nay, ông Lâm Văn M và bà Phan Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là anh Phan Ngọc Kh, chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng diện tích đất 1.290,6m<sup>2</sup> tại thửa số 97, tờ bản đồ số 11, đất tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

*Theo anh Phan Ngọc Kh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đào Thị L, đồng thời anh Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phan Ngọc Th trình bày:*

Ông Th, bà L và anh Kh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất cũng như hàng thừa kế của ông Phan Kim S và bà Lâm Thị N. Thống nhất diện tích đất tranh chấp đã được các anh em thỏa thuận chia vào năm 2010 cho bà Phan Ngọc S 02 công (trong đó có 1.290,6m<sup>2</sup> đang tranh chấp trong vụ án này). Ngày 03/9/2021, ông Phan Ngọc Th chết, khi còn sống ông Th có 02 người con riêng với vợ trước bà Tống Thị H là anh Phan Ngọc T, sinh năm 1978 và chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1979, trước đây có cùng hộ khẩu với bà L nhưng hiện nay không rõ địa chỉ ở đâu; sau đó, ông Th kết hôn với bà L có 02 người con chung là chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1994 và anh Phan Ngọc Kh, sinh năm 1999.

Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận phân chia đất năm 2010, bà Phan Ngọc S đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc Th và bà Đào Thị L, diện tích 01 công đất (tương đương 1.290m<sup>2</sup>), giá chuyển nhượng 16.000.000 đồng, theo “*giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 17/7/2010. Do đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chỉ viết tay không có công chứng, chứng thực ở cơ quan có thẩm quyền, phía sau giấy tay có chữ ký ông Lâm Văn B nguyên là trưởng ấp XL thời điểm năm 2010. Khi chuyển nhượng bà L đã giao đủ tiền cho bà S và bà S đã giao đất cho vợ chồng ông Th, bà L canh tác chứ không có việc bà S mượn tiền của bà L.

Đất có hiện trạng là ao nuôi tôm, bà Phan Ngọc S đã lớn tuổi sinh sống tại ấp VM, xã VH, huyện HB, tỉnh BL, các con bà S đều đi làm ăn xa nên bà S không trực tiếp canh tác được, vì vậy, ông Th và bà L trực tiếp canh tác trên đất từ khi nhận chuyển nhượng đất. Đến năm 2012, bà S tiếp tục chuyển nhượng phần còn lại của 02 công đất được chia là 700m<sup>2</sup>, đất ở cặp ranh với diện tích đất tranh chấp hiện nay cho ông Th, bà L theo “*giấy sang nhượng đất*” đề ngày 04/12/2012. Nay, nguyên đơn bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M yêu cầu bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th trả lại quyền sử dụng đất thì bà L, anh Kh không đồng ý.

Về vị trí, diện tích, định vị thửa đất tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2020 là cùng thửa, cùng vị trí đất với đất tranh chấp và thống nhất với kết quả đo đạc của văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu tại mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/02/2021, thống nhất biên bản xem xét thẩm định

tại chỗ ngày 17/11/2020. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án ông Lâm Văn M đào 01 nền mộ, đã đổ phần đà bằng bê tông cốt thép theo biên bản ghi nhận hiện trạng của Ủy ban nhân dân xã HT, sau khi cán bộ địa chính xã lập biên bản ông M đã ngừng xây dựng nên bà L và anh Kh không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ lại, không yêu cầu ông M tháo dỡ phần nền mộ này, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có yêu cầu gì đối với tài sản trên đất.

*Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Minh Ng, ông Phan Ngọc B và bà Phan Ngọc Đ cùng thống nhất trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 11, đất tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL của cha mẹ ông bà là ông Phan Kim S và bà Lâm Thị N khai phá. Quá trình chung sống ông S và bà N có 06 người con chung là ông Phan Ngọc B, sinh năm 1946, ông Phan Ngọc Th, sinh năm 1955, bà Phan Ngọc S, sinh năm 1936, bà Phan Ngọc A, sinh năm 1939, bà Phan Ngọc Đ, sinh năm 1942, bà Phan Minh Ng, sinh năm 1957. Ngày 03/9/2021, ông Phan Ngọc Th chết, khi còn sống ông Th có 02 người con riêng với vợ trước tên Tống Thị H là anh Phan Ngọc T, sinh năm 1978 và chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1979, trước đây anh T, chị Thảo có cùng hộ khẩu với bà L, ông Th nhưng hiện nay không rõ địa chỉ ở đâu; sau đó, ông Th kết hôn với bà L có 02 người con chung là chị Phan Ngọc Th, sinh năm 1994 và anh Phan Ngọc Kh, sinh năm 1999.

Ông Bình, bà Đ và bà Ng cùng thống nhất diện tích đất tranh chấp đã được các anh em thỏa thuận chia vào năm 2010 cho bà Phan Ngọc S 02 công (trong đó có 1.290,6m<sup>2</sup> đang tranh chấp trong vụ án này). Sau khi các anh em phân chia đất, ông bà không biết giữa ông Th, bà L và bà S có giao dịch như thế nào, không trực tiếp chứng kiến và cũng không nghe ai nói lại về việc bà S chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L, ông Th. Tuy nhiên, ông bà xác định phần đất có diện tích 02 công tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL là của bà Phan Ngọc S. Ngoài diện tích đất được phân chia nói trên thì bà S không còn diện tích đất nào khác tại ấp XL. Các ông bà không có ý kiến cũng như yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M.

*Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th, bà Phan Ngọc A và bà Lê Thị A do không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Thảo, anh T, bà A, bà An tại nơi cư trú cuối cùng; chị Phan Ngọc Th có địa chỉ tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến các đương sự được.*

*Từ nội dung trên, Bản án số 23/2022/DS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

*1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc S, ông Lâm Văn M khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị L và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ trong tổ tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh đối với quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 97 tờ bản đồ 11 hệ thống bản đồ năm 2016, đất tọa lạc tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL có tứ cạnh và số đo như sau:*

*Hướng đông giáp đường bê tông có số đo 9,3m.*

*Hướng tây giáp đất ông Thái Phước K quản lý sử dụng có số đo 9,3m.*

*Hướng nam giáp đất anh Phan Ngọc D quản lý sử dụng có số đo 138,51m.*

*Hướng bắc giáp phần đất còn lại thuộc thửa 97 có số đo 139,48m.*

*Diện tích 1.290,6m<sup>2</sup>.*

*2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc S, ông Lâm Văn M khởi kiện yêu cầu đòi quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 5,4m<sup>2</sup> đối với bà Đào Thị L và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ trong tổ tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh.*

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, đồng nguyên đơn bà S và ông M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S và ông M; buộc bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là anh Phan Ngọc Kh, chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 1.290,6m<sup>2</sup> tại thửa 97, tờ bản đồ số 11, hệ thống bản đồ năm 2016, ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M: Ông Lê Hải L là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BL trình bày ý kiến tranh luận:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phan Kim S và bà Lâm Thị N khai phá. Từ năm 1986, ông S và bà N đã phân chia đất cho các con, trong đó có chia 02 công đất cho bà Phan Ngọc S nhưng do bà S không có mặt vào thời điểm đó nên ông Phan Ngọc B (anh em với bà S) quản lý đến năm 2010 giao lại cho bà S. Việc ông B giao lại 02 công đất cho bà S các anh em đều đồng ý và thừa nhận. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng sau khi được chia đất thì bà S chuyển nhượng cho bị đơn 01 công (tương đương 1.290,6m<sup>2</sup>) với giá 16.000.000 đồng, có lập Giấy chuyển nhượng đề ngày 17/7/2010, không có công chứng hoặc chứng thực, có ông Lâm Văn B nguyên trưởng khóm ký xác nhận (ông B hiện nay đã chết). Đến năm 2012, bà S tiếp tục chuyển nhượng phần diện tích đất còn lại của 02 công đất là 700m<sup>2</sup>,

cấp ranh với đất tranh chấp hiện nay, có lập Giấy chuyển nhượng đề ngày 04/12/2012. Bị đơn cung cấp chứng cứ hai Giấy tay mua bán đất, thấy rằng từ trước đến nay bà S không chuyển nhượng đất cho ông Th, bà L. Cả hai Giấy tay mua bán đất bà S không có ký tên, không thể hiện ý chí của bà S. Không có biên nhận tiền từ việc chuyển nhượng đất. Mặt khác, khi chuyển nhượng đất các bên không lập hợp đồng chuyển nhượng đất, không công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2010 và 2012 vô hiệu cả nội dung và hình thức vì không đúng quy định pháp luật.

Đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S và ông M; buộc bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là anh Phan Ngọc Kh, chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng diện tích đất 1.290,6m<sup>2</sup> tại thửa 97, tờ bản đồ số 11, hệ thống bản đồ năm 2016, ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL cho bà S, ông M.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phan Ngọc S: Bà Trịnh Hồng Nh là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh BL trình bày ý kiến tranh luận:*

Thống nhất với ý kiến của Luật sư Lê Hải L. Đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phan Ngọc S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S; buộc bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là anh Phan Ngọc Kh, chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng diện tích đất 1.290,6m<sup>2</sup> tại thửa 97, tờ bản đồ số 11, hệ thống bản đồ năm 2016, ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đinh Thị Gấm E là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M vẫn giữ nguyên kháng cáo và thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư, của Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến bổ sung.*

*Anh Phan Ngọc Kh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đào Thị L, đồng thời anh Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phan Ngọc Th trình bày ý kiến tranh luận:*

Năm 2010, bà Phan Ngọc S đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc Th và bà Đào Thị L, diện tích 01 công đất (tương đương 1.290m<sup>2</sup>), giá chuyển nhượng 16.000.000 đồng, theo “Giấy chuyển nhượng đất” đề ngày 17/7/2010. Do đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chỉ viết tay không có công chứng, chứng thực ở cơ quan có thẩm quyền, phía sau giấy tay có chữ ký ông Lâm Văn B nguyên là trưởng ấp XL thời điểm năm 2010. Khi chuyển nhượng bà L đã giao đủ tiền cho bà S và bà S đã giao đất cho vợ chồng

ông Th, bà L canh tác. Đến năm 2012, bà S tiếp tục chuyển nhượng phần còn lại của 02 công đất được chia là 700m<sup>2</sup>, đất ở cặp ranh với diện tích đất tranh chấp hiện nay cho ông Th, bà L theo “*Giấy sang nhượng đất*” đề ngày 04/12/2012. Ngoài ra, việc chuyển nhượng đất có bà Võ Thị Kiều Ng (là con của bà Phan Ngọc Đ) biết, lý do biết vì bà L có hỏi mượn 03 chỉ vàng 24k để mua lại 01 công đất của bà S. Anh Kh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S và ông M.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Minh Ng trình bày ý kiến tranh luận:* Diện tích đất tranh chấp đã được các anh em thỏa thuận chia vào năm 2010 cho bà Phan Ngọc S 02 công (trong đó có 1.290,6m<sup>2</sup> đang tranh chấp trong vụ án này). Sau khi các anh em phân chia đất, bà không biết giữa ông Th, bà L và bà S có giao dịch như thế nào, không trực tiếp chứng kiến và cũng không nghe ai nói lại về việc bà S chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L, ông Th. Tuy nhiên, bà xác định phần đất có diện tích 02 công tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL là của bà Phan Ngọc S. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S, ông M.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th, bà Phan Ngọc A, bà Lê Thị A, chị Phan Ngọc Th1, ông Phan Ngọc B, bà Phan Ngọc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu theo hướng buộc bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là anh Phan Ngọc Kh, chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T và chị Phan Ngọc Th1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng diện tích đất 1.290,6m<sup>2</sup> tại thửa 97, tờ bản đồ số 11, hệ thống bản đồ năm 2016, ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL cho bà S, ông M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:



[1.1] Đơn kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M gửi đến Tòa án nhận ngày 30/3/2022 còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th, chị Phan Ngọc Th1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Ngọc A, bà Phan Ngọc Đ, ông Phan Ngọc B, bà Lê Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Th, anh T, bà A, bà An tại nơi cư trú cuối cùng; xét thấy sự vắng mặt của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: *Xét kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S và ông M; buộc bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là anh Phan Ngọc Kh, chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng diện tích đất 1.290,6m<sup>2</sup> tại thửa 97, tờ bản đồ số 11, hệ thống bản đồ năm 2016, đất tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu, thấy rằng:*

[2.1] Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2020 (Bút lục 85) và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/02/2021 (Bút lục 98), phần đất tranh chấp có diện tích: 1.290,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 97, tờ bản đồ số 11, thuộc hệ thống bản đồ năm 2016, tọa lạc tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 9,3m.

Hướng Tây giáp đất ông Thái Phước K quản lý sử dụng có số đo 9,3m.

Hướng Nam giáp đất anh Phan Ngọc D quản lý sử dụng có số đo 138,51m.

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thuộc thửa 97 (không tranh chấp) có số đo 139,48m.

Tại Đơn khởi kiện cũng như Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu có nội dung hòa giải đất tranh chấp tại thửa 90 tờ bản đồ số 11, hệ thống bản đồ năm 2016. Tuy nhiên, qua kết quả đo đạc thực tế xác định đất tranh chấp diện tích: 1.290,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 11, hệ thống bản đồ năm 2016. Tuy Biên bản hòa giải tại cơ sở ghi không trùng khớp với thửa đất tranh chấp nhưng các đương sự đều thống nhất vị trí, định vị

thửa đất tranh chấp và thửa đất được đưa ra hòa giải tại Ủy ban xã HT là cùng 01 thửa đất. Như vậy, đất tranh chấp đã được hòa giải tại cơ sở đúng nội dung, hình thức, thành phần hòa giải theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 nên cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, giải quyết mà không cần thiết phải hòa giải cơ sở lại là có căn cứ.

Hiện trạng trên phần đất này có 02 ao vuông nuôi tôm đang để trống. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án ông Lâm Văn M đào 01 nền mộ, đã đổ phần đà bằng bê tông cốt thép, sau khi Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố BL lập biên bản ghi nhận hiện trạng ngày 13/7/2021 ông M đã ngừng xây dựng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất không yêu cầu tiến hành xem xét, thẩm định lại và cũng không yêu cầu gì liên quan đến các tài sản trên đất.

[2.2] Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Phan Kim S và bà Lâm Thị Năm khai phá trước năm 1975. Sau khi ông Phan Kim S và bà Lâm Thị N chết thì đến năm 2010, gia đình đã họp và các anh chị em thỏa thuận phân chia đất, trong đó chia bà Phan Ngọc S 02 công đất (bao gồm phần đất tranh chấp hiện nay). Đây được xem là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định phần đất này là của bà Phan Ngọc S.

[2.3] Xét quá trình sử dụng đất: Các đương sự đều thống nhất từ năm 2010 đến khi xảy ra tranh chấp vào năm 2016, 2017 thì người sử dụng đất là vợ chồng bị đơn ông Th, bà L. Từ năm 2016, 2017 đến nay thì phần đất bị bỏ trống không ai canh tác và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

[2.4] Các bên đương sự đều thống nhất 02 công đất nêu trên là của bà Phan Ngọc S nhận thừa kế của ông Phan Kim S và bà Lâm Thị N nên bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M không có nghĩa vụ phải chứng minh phần đất là tài sản của bà Phan Ngọc S. Phía bị đơn cho rằng, bà S đã chuyển nhượng phần đất này cho phía bị đơn thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về phía bị đơn theo quy định tại Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

*“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ...*

*4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”*

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã cung cấp cho Tòa án “*Giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 17/7/2010 và “*Giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 04/12/2012 cùng tên người chuyển nhượng là bà Phan Ngọc S (Bút lục 317, 318).

[2.5] Xét “*Giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 17/7/2010 có tên người chuyển nhượng là bà Phan Ngọc S do phía bị đơn cung cấp. Tại Kết luận giám định số 19/KL-2022 ngày 28/02/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Bạc Liêu (Bút lục 319, 320) xác định “*Giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 17/7/2010 nội dung kết luận ghi “*hai điểm chỉ màu đỏ ...không thể hiện đường vân, không thể hiện được đặc điểm hình chung và đặc điểm riêng nên không đủ yếu tố giám định*”. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc bà S có chuyển nhượng đất cho ông Th, bà L vào năm 2010.

[2.6] Xét “*Giấy sang nhượng đất*” đề ngày 04/12/2012 theo Kết luận giám định xác định là dấu vân tay của bà Phan Ngọc S. Tuy nhiên, giấy sang nhượng này có nội dung bà S chuyển nhượng cho bà L phần đất 700m<sup>2</sup> là một phần đất khác không phải phần đất đang tranh chấp nên không liên quan đến nội dung vụ án. Mặt khác, phần đất này nguyên đơn bà S, ông M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[2.7] Tại phiên tòa, anh Phan Ngọc Kh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng có nhân chứng biết việc chuyển nhượng. Căn cứ vào lời khai của bà Võ Thị Kiều Ng (là con bà Phan Ngọc Đ) về việc năm 2010, bà Đào Thị L có hỏi mượn 03 chỉ vàng (ba chỉ) 24k để mua lại 01 công đất của bà Phan Ngọc S và lời khai của ông Trần Văn Xuân nguyên là trưởng ấp XL, xã HT về việc ông có xác nhận trong “*Giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 17/7/2010 để xác định giao dịch chuyển nhượng có xảy ra là không có căn cứ. Vì cả bà Ng và ông X đều thừa nhận là không trực tiếp chứng kiến giao dịch chuyển nhượng giữa bà S với ông Th, bà L. Việc ông X xác nhận trong “*Giấy chuyển nhượng đất*” đề ngày 17/7/2010 là xác nhận về việc đăng ký hộ khẩu thường trú của bà L, chứ không xác nhận việc chuyển nhượng đất.

[2.8] Tại phiên tòa hôm nay, ngoài “*Giấy chuyển nhượng đất*” nêu trên thì bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh có giao dịch chuyển nhượng đối với phần đất tranh chấp giữa bà S với ông Th, bà L. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn cũng như lời trình bày của anh Kh.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M; chấp nhận ý kiến của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý; Kiểm sát viên đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.003.000 đồng (*Ba triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng*), do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng

cáo của bà S và ông M nên bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh phải chịu toàn bộ. Bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M đã nộp 3.003.000 đồng nên bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ trong tố tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh phải trả lại cho bà Phan Ngọc S và ông Phan Văn M 3.003.000 đồng (*Ba triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng*).

[5] Về chi phí giám định là 5.543.000 đồng (*Năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S và ông M nên bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh phải chịu toàn bộ. Bà Đào Thị L và anh Phan Ngọc Kh đã nộp đủ 5.543.000 đồng (*Năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), đã chi phí hết không được hoàn lại.

[6] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Do kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M được chấp nhận nên bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh cùng phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Lâm Văn M đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007108 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL được hoàn lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M được chấp nhận nên bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Lâm Văn M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007429 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các khoản 5, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, điểm a khoản 1 Điều 179, Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 15, điểm

a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc S, ông Lâm Văn M khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh giao trả phần đất tranh chấp có diện tích 1.290,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 97 tờ bản đồ 11, hệ thống bản đồ năm 2016, đất tọa lạc tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL.

**2.** Buộc bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh giao trả cho bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M phần đất tranh chấp có diện tích 1.290,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 97 tờ bản đồ 11, hệ thống bản đồ năm 2016, đất tọa lạc tại ấp XL, xã HT, thành phố BL, tỉnh BL, có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng đông giáp đường bê tông có số đo 9,3m.

Hướng tây giáp đất ông Thái Phước K quản lý sử dụng có số đo 9,3m.

Hướng nam giáp đất anh Phan Ngọc D quản lý sử dụng có số đo 138,51m.

Hướng bắc giáp phần đất còn lại thuộc thửa 97 có số đo 139,48m.

*(Kèm theo Bản án là Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/02/2021)*

Bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M được quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng diện tích đất nêu trên theo quy định pháp luật.

**3.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc S, ông Lâm Văn M rút yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 5,4m<sup>2</sup> đối với bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh.

**4.** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.003.000 đồng (*Ba triệu, không trăm lẻ ba nghìn đồng*) bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh phải chịu toàn bộ. Bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M đã nộp 3.003.000 đồng nên bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh phải trả lại cho bà Phan Ngọc S và ông Phan Văn M 3.003.000 đồng (*Ba triệu, không trăm lẻ ba nghìn đồng*).

**5.** Về chi phí giám định là 5.543.000 đồng (*Năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh phải chịu toàn bộ. Bà Đào Thị L và anh Phan Ngọc Kh đã nộp đủ 5.543.000 đồng (*Năm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), đã chi phí hết không được hoàn lại.

**6. Về án phí:**

**6.1.** Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Ngọc Th là chị Phan Ngọc Th, anh Phan Ngọc T, chị Phan Ngọc Th1, anh Phan Ngọc Kh cùng phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Lâm Văn M đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007108 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BL được hoàn lại.

**6.2.** Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Ngọc S và ông Lâm Văn M không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Lâm Văn M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007429 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL được hoàn lại.

**7.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**8.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố BL;
- CCTHADS thành phố BL;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

**Huỳnh Thị Kiều Anh**